

Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Khoa Lý luận Chính trị

Tiểu ban Triết học

Lớp Ngày 2 K 21 Hệ sau đại học

**Triết học Tây Âu thế kỷ XVII – XVIII
những thành tựu và hạn chế**

GVHD : Ts. Nguyễn Ngọc Thu

HVTH : Nguyễn Trí Minh

Đề cương

Giới thiệu.....	1
I. Hoàn cảnh.....	2
1. Điều kiện lịch sử ra đời và phát triển:.....	2
2. Những đặc điểm cơ bản:.....	3
II. Một số triết gia tiêu biểu:.....	4
1. Phorăngxít Bêcon(1561 – 1626).....	4
1.1. Những định hướng xây dựng triết học và khoa học mới.....	4
1.2. Quan điểm về thế giới và con người.....	5
1.3. Quan điểm về nhận thức và phương pháp nhận thức.....	6
1.4. Quan điểm về chính trị – xã hội.....	7
2. Rôné Đécácô(1596 – 1650).....	8
2.1. Siêu hình học.....	9
2.2. Khoa học.....	10
3. Gioocgiơ Beccli (1685 – 1753).....	11
4. Sácơ Đơ Môngtexkiơ(1689 – 1775).....	12
III. Nhận định.....	13
1. Nhận định chung:.....	13
2. Nhận định về các triết gia tiêu biểu:.....	14
2.1. Phorăngxít Bêcon(1561 – 1626).....	14
2.2. Rôné Đécácô(1596 – 1650).....	14
2.3. Gioocgiơ Beccli (1685 – 1753).....	15
2.4. Sácơ Đơ Môngtexkiơ(1689 – 1775).....	15

Tài liệu tham khảo

I

Nguyễn Tri Minh

Giới thiệu

Thời kì cận đại là thời kì phát triển rực rỡ của Tây Âu trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Đó là sự phát triển tiếp tục của chủ nghĩa tư bản, của khoa học và tư tưởng, trong đó có chủ nghĩa duy vật triết học, nhưng với những đặc điểm mới. Khác với thời kì Phục hưng, thời cận đại (thế kỷ XVII-XVIII) ở các nước Tây Âu là thời kì giai cấp tư sản đã giành được thắng lợi về chính trị trước giai cấp phong kiến. Ba cuộc cách mạng tư sản lớn đã nổ ra và thành công: Cách mạng tư sản Hà Lan cuối thế kỷ XVI; Cách mạng tư sản Anh (1642-1648); Cách mạng tư sản Pháp (1789-1794). Đây cũng là thời kì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập và trở thành phương thức sản xuất thống trị Tây Âu. Nó tạo đã tạo ra những vấn đề mới cho khoa học, kĩ thuật phát triển mà trước hết là khoa học tự nhiên, trong đó cơ học đã đạt tới trình độ là cơ sở cổ điển. Đặc điểm của khoa học tự nhiên thời kì này là khoa học tự nhiên - thực nghiệm. Đặc trưng ấy tất yếu dẫn đến thói quen nhìn nhận đối tượng nhận thức trong sự trừu tượng tách rời, cô lập, không vận động, không phát triển, nếu có nói đến vận động thì chủ yếu là vận động cơ giới, máy móc. Đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho triết học duy vật thời kỳ này mang nặng tính máy móc siêu hình.

Chính những điều kiện kinh tế - chính trị và khoa học tự nhiên thời cận đại đã quy định những đặc trưng về mặt triết học thời kì này:

Thứ nhất, đây là thời kì thắng lợi của chủ nghĩa duy vật đối với chủ nghĩa duy tâm, của những tư tưởng vô thần đối với hữu thần luận.

Thứ hai, chủ nghĩa duy vật thời kì này mang hình thức của chủ nghĩa duy vật siêu hình, máy móc. Phương pháp siêu hình thống trị, phổ biến trong lĩnh vực tư duy triết học và khoa học.

Thứ ba, đây là thời kì xuất hiện những quan điểm triết học tiên bộ về lĩnh vực xã hội, nhưng nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi quan điểm duy tâm trong việc giải thích xã hội và lịch sử. Những đặc điểm ấy thể hiện rõ nét trong quan niệm của một số triết gia, điển hình như B. Spinoza, Ph. Bêcon, T. Hôpơ, F. Đêcartơ, G. Lamettri, Đ. Đidơrô, F. Hênhách, G. G. Bơxô.

Thứ tư, trước sự phát triển mạnh mẽ của tư tưởng duy vật vô thần của thời cận đại, chủ nghĩa duy tâm và thần học buộc phải có những cải cách nhất định. Nhu cầu ấy được phản ánh đặc biệt trong triết học duy tâm chủ quan của nhà triết học thần học người Anh G. Beccolli.

I. Hoàn cảnh:

1. Điều kiện lịch sử ra đời và phát triển:

Thời cận đại (thế kỷ XVII – XVIII) phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển mạnh mẽ dẫn đến sự xuất hiện và phát triển nhiều mâu thuẫn trong khắp các lĩnh vực đời sống xã hội. Sự phân hóa và xung đột trong lĩnh vực kinh tế kéo theo sự phân hóa và xung đột trong lĩnh vực xã hội đã làm nảy sinh những xung đột và mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị và tinh thần. Những xung đột và mâu thuẫn này đã làm nổ ra các cuộc cách mạng tư sản trên khắp các nước Tây Âu như ở Hà Lan (1560-1570), ở Anh (1642-1648)... , đặc biệt là ở Pháp (1789-1794) – một cuộc cách mạng tư sản khá toàn diện và rất triệt để đã xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến, xác lập chế độ cộng hòa tư sản. Các cuộc cách mạng tư sản đã đưa giai cấp tư sản lên vũ đài quyền lực chính trị, tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho sự thống trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Để phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thống trị một cách vững chắc, nền chính trị tư sản không thể không cần đến sự phát triển của khoa học mới – khoa học giúp khám phá, làm chủ và khai thác giới tự nhiên. Các ngành khoa học tự nhiên, có đối tượng và phương pháp nghiên cứu riêng, từng bước ra đời và tồn tại tương đối độc lập nhau, trong đó, cơ học là ngành khoa học phát triển nhất, còn thực nghiệm là phương pháp nghiên cứu tự nhiên phổ biến nhất. Vì vậy, quan điểm cơ học và phương pháp nghiên cứu thực nghiệm đã thấm vào hầu hết các hoạt động thực tiễn và tư tưởng con người lạnh mạnh lúc bấy giờ. Khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, hình thành nên các khoa học độc lập: Cơ học, Vật lý học, Toán học, Hóa học, Sinh học... tạo tiền đề cho sự phát triển của triết học.

Trong điều kiện thay đổi sâu sắc đời sống kinh tế – chính trị – xã hội và gắn liền với những thành tựu khoa học – kỹ thuật lúc bấy giờ là sự hình thành và phát triển của một nền triết học mới – triết học Tây Âu thời Phục hưng – cận đại. Mặc dù nền triết học này được chia thành hai giai đoạn : triết học Tây Âu thời Phục hưng (thế kỷ XV – XVI) và triết học Tây Âu thời cận đại (thế kỷ XVII và đầu XIX), ứng với hai giai đoạn hình thành và khẳng định của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng chúng thống nhất với nhau. Triết học Tây Âu thời cận đại kế nối triết học Tây Âu thời Phục hưng, phản ánh sự thay đổi lớn trong đời sống kinh tế – chính trị – tư tưởng của xã hội Tây Âu lúc bấy giờ. Triết học Tây Âu thời cận đại được chia ra thành hai thời kỳ: đầu thời cận đại tức thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII và cuối thời kỳ cận đại, tức cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX.

2. Những đặc điểm cơ bản:

Lịch sử triết học Tây Âu thời kỳ này là một cuộc đấu tranh của các trào lưu, khuynh hướng, trường phái triết học khác nhau trong bối cảnh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời và tự khẳng định mình, trong sự hiện thực hóa vai trò thống trị của giai cấp tư sản. Thế giới quan duy vật máy móc, nhân sinh quan nhân đạo tư sản, và phương pháp luận siêu hình thể hiện rất rõ trong quan điểm của các trường phái, trào lưu, khuynh hướng triết học xung đột nhau lúc bấy giờ. Triết học Tây Âu thời kỳ Cận đại là thế giới quan của giai cấp tư sản mới, một giai cấp cách mạng đang đấu tranh chống lại giới quý tộc phản động và nhờ thờ Cơ đốc giáo cho nên nó được đặc trưng bởi chủ nghĩa duy vật tiền bộ. Bên cạnh đó sự phản kháng của nhà thờ Cơ đốc giáo và sự dung hòa về lợi ích của hai giai cấp địa chủ và tư sản trong những cuộc các mạng thiếu triệt để ở Anh, Hà Lan làm chu chuyển chủ nghĩa duy tâm và các hình thức tự nhiên thần luận hay phiếm thần luận tiếp tục tồn tại. Ngoài vấn đề bản thể luận triết học thời kỳ này đặc biệt quan tâm đến vấn đề nhận thức luận, vấn đề phương pháp nhận thức được ưu tiên phát triển làm xuất hiện đường lối duy cảm và duy lý. Phương pháp siêu hình dần dần thắng thế phương pháp tự nhiên duy lý thời trung cổ.

- Trên bình diện thế giới quan, triết học thời kỳ này thể hiện rõ thế giới quan duy vật máy móc bên cạnh quan điểm tự nhiên thần luận của giai cấp tư sản – giai cấp đang vươn lên lãnh đạo xã hội, sự xung đột giữa chủ nghĩa duy vật khoa học với chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo rất quyết liệt.
- Trên bình diện nhận thức – phương pháp luận, triết học thời kỳ này chủ yếu đi tìm phương pháp nhận thức mới để khắc phục triệt để phương pháp kinh viện giáo điều, nhằm xây dựng một triết học mới và khoa học mới có liên hệ mật thiết với nhau, hướng đến xây dựng tri thức.
- Trên bình diện nhân sinh quan – ý thức hệ, nền triết học thời kỳ này thể hiện rõ tính thần khai sáng và chủ nghĩa nhân đạo tư sản.

II. Một số triết gia tiêu biểu:

1. Phorăngxư Bêcon (1561 – 1626)

Phorăngxư Bêcon (Francis Bacon) là nhà triết học vĩ đại thời cận đại. C. Mác coi Ph. Bêcon là ông tổ của chủ nghĩa duy vật Anh và khoa học thực nghiệm. Bắt đầu từ Ph. Bêcon, lịch sử triết học Tây Âu bước sang một giai đoạn phát triển mới với những màu sắc riêng.

Ph. Bêcon sinh trong một gia đình quý tộc Anh. Sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Kembritgiơ, ông công tác nhiều năm trong ngành ngoại giao cho vương triều Xitua. Mặc dù sống ở nước Anh trước thời kì cách mạng tư sản, nhưng Ph. Bêcon là người nhiệt liệt ủng hộ những cải cách tư sản nhằm phát triển đất nước, ủng hộ sự phát triển của khoa học và triết học. Những tác phẩm lớn của ông là Đại phục hồi các khoa học (1605), Công cụ mới (1620)...

Trường phái triết học Anh được Ph. Bêcon đặt nền móng, T. Hốpxơ phát triển theo hướng kinh nghiệm và Gi. Lốcơ đẩy mạnh theo hướng duy giác. Ông chính là người đã đặt nền móng cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật siêu hình.

1.1. Những định hướng xây dựng triết học và khoa học mới.

Muốn phát triển khoa học và triết học thì trước hết phải khắc phục tính tư biện giáo điều, lệ thói lý luận xuống xa rời cuộc sống của triết học và khoa học cũ, nghĩa là phải có quan điểm thực tiễn. Chỉ có khi dựa vào quan điểm thực tiễn thì mới có thể xác định đúng vai trò, vị trí, nhiệm vụ của triết học và khoa học mới, và sử dụng chúng một cách có hiệu quả trong cuộc sống của con người.

Theo Ph. Bêcon, triết học mới cần phải được coi là khoa học của mọi khoa học, hoặc là cơ sở của mọi khoa học. Ông coi việc phát triển triết học và khoa học là nền tảng cho việc canh tân đất nước, là cơ sở lý luận cho công cuộc xây dựng và phồn thịnh đất nước, phát triển kinh tế, xóa bỏ bất công và tệ nạn xã hội.

Mục đích của triết học và khoa học mới là xây dựng tri thức lý luận chặt chẽ đầy tính thuyết phục về mọi lĩnh vực nghiên cứu, chứ không phải củng cố đức tin mù quáng.

Nhiệm vụ của triết học mới là đại phục hồi cho khoa học hay xây dựng khoa học mới bằng cách cải tạo toàn bộ tri thức hiện có mà con người đã đạt được trước đó, “hầm bắt trật tự của giới tự nhiên” tái tạo lại trong trí tuệ con người kiểu mẫu của thế giới như là nó vốn có, chứ không phải như là cái mà tư duy tưởng

tượng ra, lấy hiệu quả của sáng chế thực tiễn để kiểm nghiệm tính chân thực của triết học, xóa bỏ những sai lầm chủ quan, sử dụng hiệu quả tư duy khoa học để khám phá trật tự của thế giới khách quan, tiến đến xây dựng một hình ảnh trong tư duy giống như nó tồn tại trong hiện thực.

Nhiệm vụ của khoa học mới là khám phá ra các quy luật của thế giới, chứ không phải tìm nguyên nhân cuối cùng.

Triết học và khoa học mới phải xuất phát từ tinh thần “tri thức là sức mạnh” và “lý luận thống nhất với thực tiễn”. Mục tiêu cuối cùng là giúp tăng cường quyền lực tinh thần cho con người để thống trị – làm chủ và cải tạo giới tự nhiên, phục vụ lợi ích cho con người.

1.2. Quan điểm về thế giới và con người.

Do chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng của các nhà triết học duy vật cổ Hy Lạp nên Ph.Bêcon cho rằng giới tự nhiên tồn tại khách quan, đa dạng và thống nhất; con người là một sản phẩm của thế giới, nó bao gồm thể xác và linh hồn mang tính vật chất.

Bản thể luận triết học của Ph.Bêcon chịu ảnh hưởng bởi quan niệm của Anaxago về “hạt giống” (Hô-mê-ô-mê-ri), nguyên tử luận của Đêmocrit, học thuyết về hình dạng của Aristot. Ông cho rằng tồn tại của thế giới vật chất là khách quan, khoa học không thể biết gì ngoài thế giới vật chất. Theo tư tưởng triết học của Ph.Bêcon thì thế giới tồn tại một cách khách quan không phụ thuộc vào tình cảm, uy tín, nhận thức (cái chủ quan) của con người. Tính đa dạng của thế giới chỉ có thể được lý giải một cách đúng đắn và đầy đủ nhờ vào quan niệm về vật chất, về hình dạng, về vận động... Do vật chất, hình dạng và vận động thống nhất với nhau nên nhận thức bản chất của sự vật, vật chất chính là khám phá ra hình dạng, nghĩa là vạch ra các quy luật vận động chi phối chúng. Vận động theo ông có tới 19 dạng khác nhau, trong đó hình dạng là một vận động mà nhờ vào nó các phần tử vật chất cấu thành sự vật, và đứng im cũng là một dạng vận động.

Theo tư tưởng triết học của Ph.Bêcon thì ông xem con người là một sản phẩm của thế giới, bao gồm thể xác và linh hồn, và chúng đều là vật chất. Ông còn thừa nhận cả sự hiện hữu của linh hồn động vật và linh hồn thực vật tồn tại trong cơ thể động vật và thực vật. Khoa học nghiên cứu con người và linh hồn con người là khoa học của giới tự nhiên.

1.3. Quan điểm về nhận thức và phương pháp nhận thức.

Cảm giác, kinh nghiệm là nguồn gốc duy nhất của mọi tri thức. Mặc dù chịu ảnh hưởng của quan niệm tâm lý lưỡng tính nhưng Ph.Bêcon thừa nhận quan điểm trên. Khoa học thật sự phải biết sử dụng tư duy tổng hợp và phương pháp quy nạp khoa học để khái quát các dữ kiện do kinh nghiệm mang lại nhằm khám phá ra các quy luật, bản chất của thế giới vật chất khách quan, đa dạng và thống nhất. Khoa học như thế là khoa học thực nghiệm.

Lý luận về ảo tưởng, theo Ph.Bêcon quá trình nhận thức thế giới khách quan là quá trình xây dựng các tri thức khách quan về thế giới. Quá trình này phải xuất phát từ bản thân thế giới khách quan, thông qua kinh nghiệm cảm tính, tiến đến tư duy lý tính để xây dựng các tri thức khách quan về thế giới. Ph.Bêcon chỉ ra có bốn loại ảo tưởng, bao gồm: ảo tưởng "loài", ảo tưởng "hàng động", ảo tưởng "thị trường", ảo tưởng "nhà hát". Để khắc phục các loại ảo tưởng này, chúng ta cần phải khách quan hóa hoạt động nhận thức bằng cách tiếp cận trực tiếp với giới tự nhiên, đặc biệt là làm thí nghiệm.

Ảo tưởng "loài", nó sinh ra do việc loài người thường xuyên nhầm lẫn bản chất trí tuệ của mình với bản chất khách quan của sự vật. Ai cũng dễ dàng gán cho sự vật những đặc tính của riêng con người. Bêcon nói: "Các ngẫu tượng loài có cơ sở trong chính bản thân loài người, bởi vì thật là sai lầm khi khẳng định cảm giác cảm tính của chúng ta là thước đo sự vật. Ngược lại, tất cả các giác quan cũng như trí tuệ đều được dựa trên sự tương đồng của con người, chứ không phải dựa trên sự tương đồng của thế giới. Trí tuệ con người cũng tương tự như chiếc gương méo, khi nó pha trộn bản chất của mình với bản chất của sự vật thì nó phản ánh các sự vật dưới dạng bị xuyên tạc, bóp méo".

Ảo tưởng "hàng động", Ngoài những ngẫu tượng đối với cả loài người, thì mỗi người còn có các đặc tính chủ quan, tâm lý, tính cách đặc thù của mình làm xuyên tạc bản chất khách quan của sự vật. Chúng còn xuất hiện do hoàn cảnh giáo dục của mỗi người cũng khác nhau. Thực chất ngẫu tượng hàng động chính là ngẫu tượng loài, nhưng biểu hiện ở mỗi người cụ thể ở mức độ và hình thức khác nhau. Sở dĩ gọi là ngẫu tượng hàng động vì mượn câu chuyện của Platon về hàng động, Ph.Bêcon ví trí tuệ của con người như hàng động méo mó của Platon, mà trong đó thể hiện cái bóng của các sự kiện diễn ra bên ngoài. Để hạn chế dạng ngẫu tượng này, mỗi người cần phải hoàn thiện nhân cách của mình, thận trọng trong quá trình nhận thức, dựa vào kinh nghiệm tập thể v.v.,

Ảo tưởng “thị trường”, Nó xuất hiện do mọi người thường hay sùng bái, chạy theo các quan điểm của ai đó có uy tín, hoặc ủng hộ những quan điểm phổ biến giáo điều, các tập quán truyền thống, trong đó bên cạnh nhiều yếu tố tích cực, cũng chứa đựng không ít những điều lạc hậu. Các ngẫu tượng này còn xuất hiện do ngôn ngữ khoa học của chúng ta đôi chỗ còn chưa thật chuẩn xác. Quan niệm trên của Ph.Bêcon có nhiều điểm hợp lý và tiến bộ.

Ảo tưởng “thần bát”. Đó là những ảnh hưởng có hại của nhiều học thuyết quan niệm thống trị làm cản trở quá trình nhận thức chân lý. Phê phán tệ sùng bái cá nhân của nhiều nhà khoa học thời đó, Ph.Bêcon khẳng định “chân lý là con gái của thời gian chứ không phải của uy tín”. Để tìm ra chân lý chúng ta không nên rơi vào chủ nghĩa hoài nghi luận, nhưng cũng không nên giáo điều trong nhận thức.

Phương pháp nhận thức khoa học, theo Ph.Bêcon thì nhà khoa học phải thực sự là nhà khoa học thực nghiệm biết sử dụng hiệu nghiệm phương pháp “con ong” – giúp cho các nhà khoa học thực nghiệm tìm kiếm các cứ liệu thực nghiệm (thương nhụy), vạch ra cách thức tổng hợp, so sánh và khái quát các cứ liệu đó để xây dựng các tri thức (mật) nhằm khám phá ra các quy luật của thế giới. Theo ông thì quá trình nhận thức phải xuất phát từ kinh nghiệm cảm tính, còn kinh nghiệm cảm tính thì lại xuất phát từ thế giới khách quan. Ông đề cao tư duy tổng hợp và phép quy nạp khoa học là những công cụ hiệu quả để xây dựng khoa học thực nghiệm và chủ nghĩa duy vật kinh nghiệm nhằm khám phá ra các quy luật của thế giới để con người chinh phục thế giới và phục vụ cho con người.

1.4. Quan điểm về chính trị – xã hội.

Ph.Bêcon chủ trương một đường lối chính trị phục vụ lợi ích cho giai cấp tư sản và chuẩn bị điều kiện để phát triển mạnh mẽ chủ nghĩa tư bản. Ông quan niệm phải xây dựng nhà nước tập quyền đủ mạnh để chống lại mọi đặc quyền và đặc lợi của tầng lớp quý tộc bảo thủ. Ông cho rằng phát triển công nghiệp và thương nghiệp có ý nghĩa quan trọng nhất đối với xã hội. Ông mong muốn dân tộc Anh thống trị các dân tộc khác. Ông chủ trương cải tạo xã hội bằng con đường khai sáng thông qua sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời ông cũng chống lại mọi cuộc nổi dậy đấu tranh của nhân dân.

2. René Descartes (1596 – 1650).

René Descartes (Rene Descartes) là nhà triết học, nhà bách khoa toàn thư vĩ đại người Pháp. Có thể nói, cùng với Ph. Bacon, "Descartes đã tạo ra một cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng triết học" Tây Âu cận đại.

René Descartes sinh trong một gia đình quý tộc miền Nam nước Pháp. Mẹ cô mẹ từ nhỏ, ông được bố cho học ở một trường phổ thông nổi tiếng ở Lislet. Bất mãn với chương trình học thời đó, ông tuyên bố rằng, kết quả duy nhất trong thời gian học phổ thông là làm cho ông sốt thêm! Ông đặc biệt say mê nghiên cứu về triết học và khoa học tự nhiên. Ông để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng như Các quy tắc chỉ đạo lý tính (1630), Thế giới (1633), Các nguyên lý của triết học (1644), Suy diễn về phương pháp (1637-1638).

Ông là nhà toán học, khoa học, nhà triết học người Pháp. Tư tưởng triết học của René Descartes thuộc trường phái duy lý – tư biện, đề cao lý tính và cố gắng hệ thống hóa toàn bộ tri thức mà con người đạt được lúc bấy giờ dựa trên cơ sở phương thức tư duy lý luận, nhằm giúp con người thoát ra khỏi cách nhìn thiên cảm về thế giới. Học thuyết triết học của René Descartes toát lên tinh thần duy lý, tìm kiếm và sử dụng các phương pháp chỉ đạo lý trí để nhận thức đúng đắn thế giới. Học thuyết của ông chia thành hai bộ phận là siêu hình học và khoa học (vật lý học). René Descartes không chỉ là người khôi phục lại mà còn đưa truyền thống duy lý phương Tây lên đỉnh cao. Ông đã đặt nền móng vững chắc cho khoa học lý thuyết.

Quan điểm của René Descartes về bản chất của triết học, ông cho rằng có thể hiểu triết học theo nghĩa rộng – đó là toàn bộ tri thức mà con người đã đạt được về nhiều lĩnh vực khác nhau, đem lại lợi ích thiết thực và trực tiếp cho cuộc sống con người; hoặc theo nghĩa hẹp – đó là siêu hình học, là nền tảng của thế giới quan, phục vụ gián tiếp cho con người chủ yếu thông qua các khoa học khác.

Ông cho rằng trình độ của tư duy triết học là thước đo quan trọng nhất đánh giá sự thống thái của con người và sự ưu việt của dân tộc này so với dân tộc khác. Theo ông, nhiệm vụ của triết học là xây dựng những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản làm cơ sở cho sự phát triển của các khoa học, giúp con người làm chủ giới tự nhiên.

2.1. Siêu hình học.

Trong “Siêu hình học” ông thể hiện lập trường nhị nguyên, thừa nhận hai thực thể độc lập là vật chất và tinh thần. Đặc trưng của thực thể vật chất là quảng tính; đặc trưng của thực thể tinh thần là có tư duy. Nhưng ông lại cho rằng cả hai đều chịu sự chi phối bởi thượng đế (đuy tâm). Do đó, Ronê Đecác tơ là nhà nhị nguyên luận ngã về phía duy tâm, trong tư tưởng của ông về siêu hình học thì nổi bật những tư tưởng sau:

“Nghĩ ngò phổ biến” – nguyên tắc xuất phát để xây dựng triết học mới và khoa học mới:

Về nhận thức luận, Ronê Đecác tơ theo đường lối duy lý, đấu tranh chống Chủ nghĩa kinh viện. Cơ sở xuất phát của nhận thức là nguyên tắc “nghĩ ngò”. Ông cho rằng cần phải nghĩ ngò tính đúng đắn của mọi tri thức có trước, nhưng không thể nghĩ ngò rằng mình đang nghĩ ngò, mà nghĩ ngò suy nghĩ, từ đó ông nêu lên luận đề duy lý “tôi suy nghĩ, vậy tôi tồn tại”.

“Tôi suy nghĩ, vậy tôi tồn tại” – dựa trên nguyên tắc nghĩ ngò phổ biến, nhưng Ronê Đecác tơ không đi đến chủ nghĩa hoài nghi mà là bác bỏ nó và xây dựng nguyên lý cơ bản của toàn bộ hệ thống siêu hình học duy lý của mình – nguyên lý “Tôi suy nghĩ, vậy tôi tồn tại”.

Lý luận về thượng đế, giới tự nhiên và con người.

Theo Ronê Đecác tơ Thượng đế thật sự tồn tại, bởi vì mọi dân tộc, mọi con người đều nghĩ về Thượng đế, hơn nữa thượng đế là sự đảm bảo cho giới tự nhiên cũng như vạn vật sinh tồn trong nó.

Ronê Đecác tơ coi vạn vật trong giới tự nhiên chỉ có thể được tạo thành từ hai thực thể tồn tại độc lập nhau giữa thực thể tinh thần phi vật chất vô thuộc tính biết suy nghĩ và thực thể vật chất phi tinh thần với quảng tính.

Ronê Đecác tơ coi con người là một sự vật đặc biệt được tạo thành từ hai thực thể trên, nó vừa có linh hồn bất tử vừa có cơ thể khả tử là một sinh vật chưa hoàn thiện nhưng có khả năng đi đến hoàn thiện, là bậc thang trung gian giữa Thượng đế và Hư vô, nên con người vừa cao siêu, không mắc sai lầm, vừa thấp hèn, có thể mắc sai lầm.

Lý luận về linh hồn

Linh hồn của con người không chỉ bao gồm lý trí mà còn có cả ý chí nữa. Lý trí mang lại khả năng nhận thức sáng suốt, đúng đắn. Ý chí mang lại khả năng chọn lựa, phán quyết (khăng định hay phủ định), khả năng tự do giải quyết. Chính khả to lớn của mình mà ý chí có thể dẫn dắt linh hồn sa vào sai lầm, nhầm lẫn. Hoạt động chính của linh hồn con người là nghi ngờ, tức là suy nghĩ và tư duy. Bản chất của sự nghi ngờ là dấu hiệu không hoàn thiện vươn tới sự hoàn thiện.

Quan niệm về nhận thức

Khất phát từ quan niệm coi hoạt động bản chất của linh hồn là nhận thức, và mọi chân lý đều bắt nguồn từ linh hồn lý tính (trí tuệ). Ông coi lý trí khúc triết chỉ nhận thức được chân lý khi nó dựa vào trực giác như là điểm khởi đầu và là hình thức hoạt động trí tuệ cao nhất của mình để suy nghĩ một cách rõ ràng, rành mạch những tư tưởng trong nó và do nó tự sinh ra hay nắm lấy tư tưởng về các sự vật có thể khẳng định hay phủ định. Bản thân lý trí khúc triết trớ trêu không khẳng định hay phủ định điều gì cả, nên nó không bao giờ mắc sai lầm.

Các nguyên tắc phương pháp luận nhận thức

Một linh hồn vĩ đại cũng có thể sản sinh ra những điều u ám nhĩ, nếu nó không biết dựa vào một phương pháp luận đáng tin cậy. Ông đề xuất phương pháp nhận thức duy lý gồm 4 nguyên tắc:

Thứ nhất, Chỉ thừa nhận là chân lý những gì là hiển nhiên, rõ ràng, rành mạch, không gọi nghi ngờ.

Thứ hai, Phân chia sự vật ra thành bộ phận để xem xét từng bộ phận.

Thứ ba, Nhận thức phải đi từ những cái đơn giản đến những cái phức tạp.

Thứ tư, Xem xét tất cả các mặt, các bộ phận không bỏ sót cái nào.

2.2. Khoa học.

Trong khoa học, ông lại là nhà dự vật siêu hình máy móc nổi tiếng, có chỗ thể hiện một số quan điểm biện chứng vượt thời đại.

Trong lĩnh vực vật lý học. René Descartes xây dựng lý luận về vật chất và vận động. Vật chất bao gồm các hạt nhỏ mịn có thể được phân chia đến vô cùng tận. Bản chất của vật chất là quảng tính, hay quảng tính là thuộc tính của thực thể

vật chất. Không gian, thời gian và vận động là những thuộc tính gắn liền với những thực thể vật chất. Không có không gian trống rỗng. Từ đó, Ronê Đécácô xây dựng mô hình vũ trụ – nhờ vào cái hích đầu tiên của Thượng đế, thế giới có được một xung lượng ban đầu, đưa vật chất nguyên thủy chuyển động xoáy và hình thành vật chất lớn hơn. Ông đưa ra giả thuyết “lốc xoáy” để lý giải về sự hình thành vũ trụ, theo đó vật chất lúc đầu tồn tại ở trạng thái đồng loại và chuyển động không ngừng theo chiều xoáy như những cơn lốc, nhờ đó các vật hạt nặng tụ lại thành đất, đá; các hạt nhẹ tản ra thành lửa, không khí...

Trong lĩnh vực sinh học, Ronê Đécácô phát triển tư tưởng duy vật máy móc về sự phụ thuộc của tinh thần vào cơ cấu vật chất, vào trạng thái của cơ quan trong cơ thể. Từ đó, Ronê Đécácô khẳng định sự hình thành của giới thực vật và động vật là quá trình hoàn toàn tự nhiên, không có sự can thiệp của thượng đế. Tuy nhiên, Ronê Đécácô quan điểm con người là một cỗ máy – hệ thống có gắn liền với linh hồn lý tính bất tử, là do con người có cấu trúc rất phức tạp và hoàn thiện hơn động vật thông thường. Ông coi cơ thể của con người là khí quan vật chất, còn linh hồn là chức năng hoạt động của cơ thể con người. Với quan điểm duy vật và khoa học này, Ronê Đécácô kỳ vọng vào y học trong việc cải tạo thể xác và đời sống tinh thần của con người.

Trong lĩnh vực toán học, Ronê Đécácô có những tư tưởng biện chứng vượt trước thời đại. Ông đã sửa đổi lại đại số, dùng hình chữ số và dùng số chỉ hình, dùng chữ để chỉ những đại lượng biến thiên, và đưa các đại lượng biến thiên vào trong toán học bên cạnh những đại lượng không đổi. Từ đó, xuất hiện hình học giải tích, hàm số và phương pháp đồ thị.... Với ông toán học là khoa học chính xác, rõ ràng và rành mạch nhất.

3. Giocôcô Bécôli (1685 – 1753)

Giocôc Bécôli (George Berkeley) là nhà triết học nổi tiếng người Anh, đại biểu điển hình của chủ nghĩa duy tâm chủ quan. Ông sinh trong một gia đình quý tộc miền Nam Ailen. Năm 15 tuổi ông đã học tại Đại học Tổng hợp Dublin. Ông say mê nghiên cứu thần học, toán học, triết học cho đến cuối đời. Ông có nhiều tác phẩm như: Kinh nghiệm của thuyết thị giác mới (1709), Khái niệm về các nguyên lý của nhận thức con người (1710)...

Giocôc Bécôli thuộc trường phái duy tâm chủ quan, ông là một linh mục người Anh, một nhà duy tâm chủ quan. Theo đường lối duy danh, ông cho rằng

khái niệm vật chất chỉ là một tên gọi trống rỗng, chỉ có những sự vật đơn lẻ mới tồn tại thực. Nhưng sự vật không tồn tại khách quan mà chỉ là phức tạp các cảm giác, từ đó ông tuyên bố: tồn tại tức là được tôi cảm giác. Để tránh lập trường duy ngã phi lý (tôi mở mắt ra là thế giới xuất hiện, tôi nhắm mắt lại thì thế giới tan biến) ông đã thừa nhận sự tồn tại của nhiều chủ thể cảm giác và chưa là nguồn gốc cho cảm giác của tất cả các chủ thể.

Ông phủ nhận chân lý khách quan. Ông cho rằng chân lý không phải ở sự phù hợp của tri thức với các sự vật bên ngoài, mà ở tính rõ ràng của các tri giác cảm tính; ở sự giống nhau của ý kiến nhiều người; ở sự đơn giản và dễ hiểu của các quan niệm; ở sự tuân theo ý Chúa...

4. Sác-lơ Đơ Môngtexkiơ (1689 – 1775)

Sác-lơ Đơ Môngtexkiơ thuộc trường phái chủ nghĩa duy vật Pháp thế kỷ XVIII – là sự chuẩn bị về tư tưởng cho cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794). Triết học thời kỳ này được gọi là triết học Khai sáng.

Thế giới quan của ông chủ yếu được thể hiện ở lĩnh vực xã hội. Sác-lơ Đơ Môngtexkiơ đấu tranh chống các quan điểm duy tâm về xã hội, cho rằng trật tự xã hội không phải do thần thánh an bài mà tuân thủ các quy luật nội tại của nó. Sác-lơ Đơ Môngtexkiơ đã chỉ ra vai trò của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội. Theo Sác-lơ Đơ Môngtexkiơ có hai loại quy luật chi phối đời sống xã hội là các quy luật tự nhiên và các quy luật thuần túy xã hội. Nhưng do quá nhấn mạnh quy luật tự nhiên mà Sác-lơ Đơ Môngtexkiơ đã không thấy được tính đặc thù của quy luật xã hội. Tuy thừa nhận vai trò của kinh tế nhưng ông lại cho rằng hoàn cảnh địa lý quyết định sự khác nhau giữa các dân tộc về chủng tộc, lối sống, văn hóa, thể chế chính trị...

Ông khẳng định sự cần thiết của pháp luật vì theo ông cùng với sự ra đời của xã hội là sự xuất hiện của các cuộc chiến tranh, làm cho quan hệ xã hội ngày càng phức tạp nên “đời hỏi phải thiết lập luật pháp giữa người với người”, vì thế nhà nước xuất hiện. Ông phủ nhận sự bình đẳng hoàn toàn trong xã hội vì như thế sẽ không có cạnh tranh để phát triển, nhưng ông phản đối sự bất công xã hội, kêu gọi “nhà nước phải giữ vu dân bảo cho mọi thành viên các phương tiện sinh tồn, thức ăn, quần áo...”; kêu gọi các dân thành viên các phương tiện sinh tồn, thức ăn, quần áo ...”; kêu gọi các dân hướng tới hòa bình, công lý. Ông nêu ý tưởng về nhà nước. Tuy nhiên ông nhận lầm

III. Nhận định

1. Nhận định chung:

Về tổng thể, triết học Tây Âu Cận đại đóng vai trò to lớn cho sự phát triển của tri thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Đồng thời nó cũng ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh chính trị xã hội và góp phần thúc đẩy sự ra đời, phát triển của nhiều trường tư tưởng tiên bộ sau này.

Triết học duy vật thời kỳ cận đại ở Tây Âu nhìn chung được coi là thế giới quan của giai cấp tư sản còn mang tính cách mạng và tiến bộ. Triết học duy vật thời kỳ này phát triển rực rỡ và có xu hướng đi tới chủ nghĩa vô thần. Đặc biệt, các nhà duy vật Pháp thời kỳ này đều là những nhà vô thần chiến đấu chống lại Giáo hội. Chủ nghĩa duy vật thời kỳ này mang hình thức chủ nghĩa duy vật siêu hình, máy móc.

Triết học duy vật Tây Âu thời cận đại là triết học duy vật không triệt để, họ thường duy vật khi bàn về các hiện tượng tự nhiên, nhưng duy tâm khi giải quyết các vấn đề xã hội.

Triết học Tây Âu thời cận đại đặc biệt quan tâm đến vấn đề nhận thức luận và phương pháp luận. Trong nhận thức luận họ thường đề cao một trong hai giai đoạn của quá trình nhận thức cảm tính hay lý tính nên không thấy được tính biện chứng, thống nhất của quá trình nhận thức. Về mặt phương pháp thì lại tuyệt đối hóa một trong hai phương pháp nhận thức diễn dịch hay quy nạp do chủ thể mà không do đối tượng và mục đích nghiên cứu quyết định.

Triết học duy vật Tây Âu thời cận đại phát triển trong quan hệ gắn bó chặt chẽ với khoa học. Việc phân định nhà triết học và khoa học tự nhiên nhiều trường hợp chỉ có ý nghĩa tương đối.

Triết học Tây Âu thời kỳ này đi sâu nghiên cứu vấn đề con người và con người được nghiên cứu cả trong hai mối quan hệ: với tự nhiên và với nhau trong xã hội. Giai cấp tư sản tiếp tục giương cao ngọn cờ duy vật và vô thành trong cuộc đấu tranh để thiết lập trật tự tư bản chủ nghĩa và giải phóng con người. Những quan niệm xã hội tiên bộ của chủ nghĩa duy vật trở thành cơ sở lý luận cho việc bác bỏ thần học và tôn giáo. Con người đã trở thành niềm kiêu hãnh của thời đại. Nhưng con người mới chỉ được đề cập ở khía cạnh cá thể, những bức bách được khẳng định về năng lực và giải phóng ở tính sinh vật, nhận thức và nhu cầu tình cảm, còn mặt bản chất xã hội ít được đề cập đến.

Thời kỳ này xuất hiện những quan điểm triết học tiến bộ về lĩnh vực xã hội, nhưng nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi quan điểm duy tâm trong việc giải thích xã hội và lịch sử.

Triết học Tây Âu thời kỳ cận đại có nhiều điểm tiến bộ song vẫn còn hạn chế. Hạn chế lớn nhất là ở tính chất siêu hình, máy móc và không triệt để của nó.

Thế giới quan duy vật máy móc, nhân sinh quan nhân đạo tư sản và phương pháp luận siêu hình thể hiện rất rõ trong quan điểm của các trường phái, trào lưu, khuynh hướng triết học xung đột nhau trong thời kỳ Tây Âu cận đại.

2. Nhận định về các triết gia tiêu biểu:

2.1. Phorăngxtơ Bêcơn (1561 – 1626)

Ph.Bêcơn là một quan niệm duy vật và cách mạng trong bối cảnh lịch sử hồi đó. Ông cũng là người đầu tiên nhận thấy tính bảo toàn vật chất của thế giới.

Việc xác định bản chất và nguyên nhân của các ngẫu tượng của Ph.Bêcơn còn mang nặng tính trực quan, chủ yếu xét ở khía cạnh nhận thức luận, vì vậy chưa đưa ra được các giải pháp khắc phục ngẫu tượng một cách hợp lý. Công lao của ông trong học thuyết về ngẫu tượng là ở chỗ ông đã đặt ra vấn đề cơ sở xã hội của quá trình nhận thức; ở chỗ khẳng định quá trình nhận thức sự vật phải hoàn toàn khách quan, xem xét với tinh thần phê phán, cách mạng chứ không giáo điều. Những tư tưởng đó có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với thời đại của ông mà còn đối với cả hiện nay.

Nhìn chung, trong vấn đề phương pháp luận, Ph.Bêcơn là nhà duy cảm (mặc dù không cực đoan), thiên về sự phát triển khoa học tự nhiên thực nghiệm; là người có công khởi xướng ra tư tưởng cần thiết phải xây dựng một hệ thống phương pháp luận mới, phù hợp với sự phát triển của khoa học thời cận đại.

Còn về nhận bản học và quan niệm về tôn giáo thì Ph.Bêcơn thể hiện sự thoả hiệp giai cấp tư sản Anh thời đó với các vấn đề tôn giáo.

2.2. Renê Đécácrtơ (1596 – 1650).

R.Đécacrtơ chống lại quan niệm giáo điều, giáo lý nhà thờ, đồng thời nó đề cao vai trò đặc biệt của lý tính, của trí tuệ con người, coi đó là chuẩn mực đánh giá

suy nghĩ và hành động của con người; nó có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ sự phát triển của khoa học lý thuyết hồi đó.

Về phương pháp luận thì phương pháp luận của R.Đécacơ mặc dù có nhiều hạn chế nhưng cũng có nhiều yếu tố tích cực và cách mạng. Ông đã nhận thức được những hạn chế của phương pháp kinh viện truyền thống và tìm cách xây dựng một phương pháp luận mới đáp ứng với sự phát triển như vũ bão của khoa học sau thời trung cổ. Phương pháp luận của ông ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển khoa học kỹ thuật sau đó.

Về con người, quan niệm triết học của R.Đécacơ là hệ thống có nhiều yếu tố hợp lý nhưng cũng có nhiều mâu thuẫn. Điều đó thể hiện sự bế tắc của lập trường nhị nguyên trong việc giải quyết hàng loạt vấn đề của triết học và khoa học. Nó thể hiện sự trăn trở của ông khi muốn xây dựng một hệ thống triết học và khoa học thực sự trong bối cảnh ảnh hưởng của các thế lực tôn giáo trong xã hội còn đang rất mạnh. Công lao vĩ đại của R.Đécacơ là ở chỗ ông đã đặt ra hàng loạt lý luận mới đối với sự phát triển của triết học và khoa học sau này. Học thuyết của ông có ảnh hưởng to lớn đối với nhiều nhà khoa học và triết học. Một trong những người chịu ảnh hưởng lớn của ông là nhà triết học duy vật vô thần người Hà Lan, Bêcôn Xpinoza (1632-1677).

2.3. Giocorgio Becchi (1685 – 1753)

Tính chất phi lý hiển nhiên của chủ nghĩa duy ngã được G.Beccoli giải quyết bằng cách cho rằng, mọi sự vật trong vũ trụ, sở dĩ tồn tại vì chúng được Thượng đế tri giác. Thực chất, do sự bất lực của lập trường duy tâm chủ quan, G.Beccoli đã phải ngã sang lập trường duy tâm khách quan. Tuy nhiên, về cơ bản ông vẫn là đại biểu điển hình của chủ nghĩa duy tâm chủ quan thời cận đại.

Đối với linh hồn con người, G.Beccoli cho rằng, "tồn tại nghĩa là cảm nhận". Có nghĩa là linh hồn chỉ tồn tại khi nó cảm nhận các sự vật khác mà trước hết là cảm nhận thể xác của con người.

2.4. Sácơ Bơ Môngtexkiơ (1689 – 1775)

Thế giới quan của Môngtexkiơ chứa đựng nhiều tư tưởng nhân đạo. Ông kêu gọi một cuộc sống hòa bình giữa các dân tộc, các quốc gia.